

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 09 - 01 - 2023.  
V/v “Kiện xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Huệ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Chính là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Kiện xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022. Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Viết T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Xóm A, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt ông T, bà T1 vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

- Ông Đỗ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 12 năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã Đình Xá, huyện Bình Lục (nay là thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam, hiện giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được vài năm đầu thì bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do lời ăn tiếng nói của hai bên dẫn đến vợ chồng không tôn trọng nhau. Kể từ năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng không ai nói với ai, đến đầu năm 2022 ông T đã về quê tại Thôn T, xã Đ, thành phố P sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình sống ly thân không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông Đỗ Viết T xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, không

thể đoàn tụ chung sống cùng nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T1.

Bà Nguyễn Thị T1 xác nhận điều kiện, thời gian, thủ tục khai đăng ký kết hôn như ông T trình bày là đúng, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, bà thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc có xô sát nhỏ. Từ đầu năm 2021 ông T đã tự nấu ăn riêng, từ đó vợ chồng không ai còn quan tâm đến nhau kể cả về tình cảm và kinh tế trong gia đình, mọi công việc trong gia đình bà tự lo liệu, ông T không có trách nhiệm gì. Đến đầu năm 2022 ông T đã về quê tại Thôn T, xã Đ, thành phố P sinh sống, thi thoảng có về qua nhà thăm con cháu. Bà và các con có khuyên nhủ ông về chung sống để các con có gia đình trọn vẹn nhưng ông T không về. Nay ông Đỗ Viết T xin ly hôn bà xin đoàn tụ, trường hợp ông T vẫn cương quyết ly hôn thì bà phải chịu.

Về con chung: Ông Đỗ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 có hai người con chung là Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1991 đã lập gia đình riêng và Đỗ Thị Quỳnh M sinh năm 1994 hiện đã có công việc ổn định tại thành phố Hà Nội. Khi ly hôn do các con đã trưởng thành lao động tự lập được nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có con nuôi, con riêng, hiện bà T1 không có thai nghén.

Về tài sản, công nợ chung: Ông Đỗ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 thống nhất thỏa thuận vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa: Ông Đỗ Viết T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không thay đổi bổ sung gì thêm. Bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

- Áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 146, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 54, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa ông Đỗ Viết T và bà Nguyễn Thị T1.

- Về con chung: Ông T, bà T1 thống nhất có hai con chung là Đỗ Thị Thanh H và Đỗ Thị Quỳnh M, vợ chồng không có con nuôi, con riêng. Các con chung đã trưởng thành, lao động tự lập, không đề nghị giải quyết nên không đề cập.

- Về tài sản, công nợ chung và các nghĩa vụ chung: Ông T, bà T1 thống nhất không có tranh chấp, không đề nghị giải quyết nên không đề cập.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX, thấy:

\* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Đỗ Viết T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 theo trình tự sơ thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt: Đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa ông Đỗ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/12/1990 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Nam Hà (nay là xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam), mặc dù giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất nhưng ông T, bà T1 đều thừa nhận năm 1990 ông, bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, ngoài ra ông T có đơn xin xác nhận của chính quyền địa phương về việc ông T, bà T1 là vợ chồng đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn nên được Luật Hôn nhân và Gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Viết T, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi ông T, bà T1 tự nguyện kết hôn từ cuối năm 1990, vợ chồng chung sống hòa thuận và sinh được hai người con chung. Tuy nhiên sau nhiều năm chung sống đôi bên xảy ra mâu thuẫn không tìm ra tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng, kinh tế và đã sống ly thân nhau từ vài năm nay là có thật được đôi bên thừa nhận. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết sự kiện này Tòa không phải chứng minh

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông T, bà T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân tự nguyện tiến bộ không đạt được; việc bà T1 xin đoàn tụ chỉ mong con cháu có một gia đình trọn vẹn chứ thực tế tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Viết T được Hội đồng xét xử chấp nhận phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật tại các Điều 51, 54, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Thời điểm chấm dứt ly hôn giữa ông T, bà T1 kể từ ngày bản án xử ly hôn có hiệu lực pháp luật theo Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông T, bà T1 thống nhất có hai con chung là Đỗ Thị Thanh H và Đỗ Thị Quỳnh M, vợ chồng không có con nuôi, con riêng. Khi ly hôn do các con chung đã trưởng thành, có công việc ổn định và có người đã lập gia đình riêng

nên không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập. Vợ chồng ông T, bà T1 không có con nuôi chung, không có con riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung và các nghĩa vụ chung: Ông T và bà T1 thống nhất vợ chồng không có tranh chấp tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp; các đương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật, ông Đỗ Viết T là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Đối chiếu với Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Đỗ Viết T đủ điều kiện được miễn toàn bộ án phí ly hôn. Ông T không phải nộp tiền tạm ứng án phí khi thụ lý vụ án nên Hội đồng xét xử không phải xử lý.

[7] Quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.  
Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 143; 146; 147; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa ông Đỗ Viết T và bà Nguyễn Thị T1. Thời điểm chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Viết T và bà Nguyễn Thị T1 kể từ ngày bản án xử lý hôn có hiệu lực pháp luật.

2/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Đỗ Viết T.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

( đã ký )

**Nguyễn Thị Mai Oanh**

